

Số: 494 /QĐ-ĐHNL-ĐT

Thái Nguyên, ngày 2 tháng 7 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Công nhận tốt nghiệp đại học hệ chính quy đợt tháng 7 năm 2020

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM

Căn cứ nghị định số 31/CP ngày 04/04/1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Văn bản hợp nhất số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/05/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Quyết định số 408/QĐ-ĐHTN, ngày 22/04/2013 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên ban hành Quy định đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Quyết định số 2424/QĐ-ĐHTN ngày 22/10/2015 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên ban hành quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Đại học Thái Nguyên, các cơ sở giáo dục đại học thành viên và đơn vị trực thuộc;

Căn cứ Quyết định số 756/QĐ-ĐT ngày 21/08/2013 của Hiệu trưởng trường Đại học Nông Lâm quy định về đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại trường Đại học Nông Lâm

Quyết định số 604/QĐ-ĐT ngày 18/06/2014 của Hiệu trưởng trường Đại học Nông Lâm về sửa đổi khoản 2 điều 27 quy định về đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 756/QĐ-ĐT ngày 21/8/2013;

Quyết định số 674/QĐ-ĐTQT, ngày 16/06/2016 của Hiệu trưởng trường Đại học Nông Lâm ban hành Quy định quản lý đào tạo các chương trình tiên tiến trình độ đại học hệ chính quy;

Căn cứ Kết quả họp của Hội đồng xét tốt nghiệp trường ngày 29/06/2020;

Đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp đại học hệ chính quy cho 120 sinh viên có tên trong bảng tổng hợp và danh sách sinh viên theo từng chuyên ngành kèm theo.

Điều 2. Các ông (bà) Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng phòng CTHSSV, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và sinh viên có tên ở điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận: 10

- ĐHTN (để b/c);
- BGH (để b/c);
- Điều 2 (để th/h);
- Lưu: VT, ĐT.



HIỆU TRƯỞNG
PGS.TS. Trần Văn Điền

BẢNG TỔNG HỢP

(Ban hành kèm theo Quyết định số 494/QĐ-ĐHNL-ĐT ngày 2 tháng 7 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông Lâm)

KHOA	NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH	SỐ SINH VIÊN								Tổng số SV
		K47	K46	K45	K44	K43	LT K48	LT K49	VB2 K49	
CNTY	Chăn nuôi thú y	4	1							5
	Thú y	15	7	2						24
	Dược thú y	2								2
QLTN	Địa chính môi trường		3							3
	Quản lý đất đai	7	2	3				6	1	19
	QLTN nông lâm nghiệp	7								7
KT-PTNT	Kinh tế nông nghiệp	9	2							11
	Phát triển nông thôn	7	3		1					11
	Khuyến nông	1	1							2
LN	Lâm nghiệp	2								2
	Nông lâm kết hợp		1							1
	Quản lý tài nguyên rừng	5	3							8
	Sinh thái và bảo tồn đa dạng sinh học	2	1							3
NH	Trồng trọt	6								6
MT	Khoa học môi trường	1	7				1			9
CTTT	KH&QLMT (đào tạo bằng Tiếng Anh)	2	1	1						4
	KH&QLMT		1	1		1				3
TỔNG		70	33	7	1	1	1	6	1	120

[Signature]

**DANH SÁCH CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
CHUYÊN NGÀNH CHĂN NUÔI THÚ Y, NGÀNH CHĂN NUÔI
KHOA CHĂN NUÔI THÚ Y**

(Kèm theo QĐ số: 494/QĐ-ĐHNL-ĐT ngày 2 tháng 7 năm 2020)

STT	Mã sinh viên	Họ Tên	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Điểm TBCTL Hệ 10	Điểm TBCTL hệ 4	Xếp loại TN
1	DTN1453060023	Bùi Thị	Ngân	02/02/1996	Nữ	Chăn nuôi thú y K47 N01 N2	7.54	2.96	Khá
2	DTN1553050091	Nguyễn Văn	Hoàn	18/02/1997	Nam	Chăn nuôi thú y K47 N02	6.42	2.17	Trung bình
3	DTN1553040042	Nguyễn Văn	Kiều	18/11/1997	Nam	Chăn nuôi thú y K47 N02	6.40	2.13	Trung bình
4	DTN1553040061	Hoàng Thị Như	Quỳnh	23/06/1997	Nữ	Chăn nuôi thú y K47 N02	6.87	2.53	Khá
5	DTN1353040135	Nguyễn Huy	Hoàng	16/04/1994	Nam	Chăn nuôi thú y K46 N01	6.22	2.04	Trung bình

Danh sách ấn định: 05 sinh viên

**DANH SÁCH CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
CHUYÊN NGÀNH THỦ Y, NGÀNH THỦ Y
KHOA CHĂN NUÔI THỦ Y**

(Kèm theo QĐ số: 494/QĐ-ĐHNL-ĐT ngày 2 tháng 7 năm 2020)

STT	Mã sinh viên	Họ Đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Điểm TBCTL Hệ 10	Điểm TBCTL hệ 4	Xếp loại TN
1	DTN1553050037	Hoàng Thị	Duyên	10/05/1997	Nữ	Thủ y K47 N01	6.80	2.44	Trung bình
2	DTN1554120072	Phạm Minh	Hội	19/03/1996	Nam	Thủ y K47 N01	6.41	2.21	Trung bình
3	DTN1553050163	Nguyễn Nhật	Minh	27/05/1997	Nam	Thủ y K47 N01	7.00	2.52	Khá
4	DTN1453050124	Phạm Văn	Quang	10/02/1996	Nam	Thủ y K47 N01	7.55	2.88	Khá
5	DTN1553050282	Trần Thị Tú	Uyên	15/09/1997	Nữ	Thủ y K47 N01	6.21	2.01	Trung bình
6	DTN1553160024	Mai Quang	Huy	26/08/1997	Nam	Thủ y K47 N02	6.74	2.31	Trung bình
7	DTN1554120089	Đoàn Ngọc	Kiên	13/05/1997	Nam	Thủ y K47 N02	6.63	2.30	Trung bình
8	DTN1553050295	Lò Thu	Yến	28/08/1997	Nữ	Thủ y K47 N03	6.73	2.31	Trung bình
9	DTN1553050009	Hoàng Việt	Anh	02/11/1997	Nam	Thủ y K47 N04	6.33	2.09	Trung bình
10	DTN1553050029	Nguyễn Ngọc	Dung	30/01/1997	Nữ	Thủ y K47 N04	6.26	2.08	Trung bình
11	DTN1553050040	Ngo Tất	Đạt	23/09/1997	Nam	Thủ y K47 N04	6.43	2.23	Trung bình
12	DTN1553050080	Đinh Văn	Hiếu	09/04/1996	Nam	Thủ y K47 N04	6.52	2.21	Trung bình
13	DTN1553050093	Ma Tiến	Hoàn	21/05/1996	Nam	Thủ y K47 N04	6.14	2.02	Trung bình
14	DTN1553050140	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	20/01/1997	Nữ	Thủ y K47 N04	6.57	2.39	Trung bình
15	DTN1553050188	Triệu Thị	Phấn	12/10/1996	Nữ	Thủ y K47 N04	6.61	2.31	Trung bình
16	DTN1453050153	Nguyễn Thị	Thuyền	07/12/1996	Nữ	Thủ y K46N01	8.46	3.53	Giỏi
17	DTN1353060094	Hồ Thủy	Tiên	25/10/1994	Nữ	Thủ y K46N01 N2	7.78	3.13	Khá
18	DTN1454110024	Dương Văn	Quý	23/11/1996	Nam	Thủ y K46N02	6.38	2.16	Trung bình
19	DTN1453110118	Trần Tuấn	Thao	04/03/1996	Nam	Thủ y K46N02	6.82	2.47	Trung bình
20	DTN1453040092	Đặng Việt	Tiến	15/08/1996	Nam	Thủ y K46N02	6.84	2.43	Trung bình
21	DTN1430A0354	Hoàng Quang	Thạch	24/11/1994	Nam	Thủ y K46N03	6.52	2.21	Trung bình
22	DTN1453050169	Nông Đình	Tuấn	17/05/1994	Nam	Thủ y K46N03	6.10	2.03	Trung bình
23	DTN1353050019	Nguyễn Văn	Chương	27/02/1995	Nam	Thủ y 1 K45	6.16	2.04	Trung bình
24	DTN1253050056	Phạm	Hùng	18/01/1994	Nam	Thủ y 1 K45	6.29	2.13	Trung bình

Danh sách ấn định: 24 sinh viên

DANH SÁCH CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
CHUYÊN NGÀNH DƯỢC THÚ Y, NGÀNH THÚ Y
KHOA CHĂN NUÔI THÚ Y

(Kèm theo QĐ số: 494 /QĐ-ĐHNL-ĐT ngày 2 tháng 7 năm 2020)

STT	Mã sinh viên	Họ Đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Điểm TBCTL Hệ 10	Điểm TBCTL hệ 4	Xếp loại TN
1	DTN1553050084	Lê Minh	Hiếu	28/06/1997	Nam	Dược thú y K47	6.50	2.20	Trung bình
2	DTN1553050264	Nguyễn Đức	Trung	10/02/1997	Nam	Dược thú y K47	6.20	2.00	Trung bình

Danh sách ấn định: 02 sinh viên

**DANH SÁCH CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
CHUYÊN NGÀNH ĐỊA CHÍNH MÔI TRƯỜNG, NGÀNH QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI
KHOA QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN**

(Kèm theo QĐ số: 494/QĐ-ĐHNL-ĐT ngày 2 tháng 7 năm 2020)

STT	Mã sinh viên	Họ Đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Điểm TBCTL Hệ 10	Điểm TBCTL hệ 4	Xếp loại TN
1	DTN1430A0454	Đặng Thanh	Tùng	16/10/1995	Nam	Địa chính môi trường K46N01	6.33	2.16	Trung bình
2	DTN1430A0245	Hà Văn	Lương	06/08/1994	Nam	Địa chính môi trường K46N03	6.39	2.15	Trung bình
3	DTN1454120201	Tần Mí	Sếnh	10/06/1996	Nữ	Địa chính môi trường K46N03	7.60	3.06	Khá

Danh sách ấn định: 03 sinh viên

**DANH SÁCH CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI, NGÀNH QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI
KHOA QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN**

(Kèm theo QĐ số: 494/QĐ-ĐHNL-ĐT ngày 2 tháng 7 năm 2020)

STT	Mã sinh viên	Họ Đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Điểm TBCTL Hệ 10	Điểm TBCTL hệ 4	Xếp loại TN
1	DTN1554120065	Lò Văn	Hòa	16/03/1997	Nam	Quản lý đất đai K47 N01	6.60	2.29	Trung bình
2	DTN1554120068	Nguyễn Huy	Hoàng	08/02/1997	Nam	Quản lý đất đai K47 N01	6.95	2.53	Khá
3	DTN1554120080	Đặng Thị Thanh	Hương	05/08/1996	Nữ	Quản lý đất đai K47 N01	6.28	2.13	Trung bình
4	DTN1554120188	Lù Văn	Thiệp	19/08/1997	Nam	Quản lý đất đai K47 N01	6.22	2.04	Trung bình
5	DTN1554120196	Đinh Thùy	Trâm	30/12/1996	Nữ	Quản lý đất đai K47 N01	6.89	2.53	Khá
6	DTN1554120215	Đào Xuân	Tùng	11/02/1997	Nam	Quản lý đất đai K47 N01	6.82	2.44	Trung bình
7	DTN1554120117	Giàng Thị	Mò	25/10/1997	Nữ	Quản lý đất đai K47 N03	6.30	2.10	Trung bình
8	DTN1454120112	Đỗ Khắc	Huy	27/02/1995	Nam	Quản lý đất đai K46N03	6.26	2.13	Trung bình
9	DTN1454120166	Hoàng Nhật	Nam	16/04/1996	Nam	Quản lý đất đai K46N03	6.47	2.20	Trung bình
10	DTN1354120253	La Đức	Quyền	03/02/1994	Nam	Quản lý đất đai K45N01	6.78	2.45	Trung bình
11	DTN1354120526	Dương Công	Huân	19/08/1995	Nam	Quản lý đất đai K45N03	6.06	2.02	Trung bình
12	DTN1354120279	Phạm Minh	Thành	23/06/1994	Nam	Quản lý đất đai K45N03	6.35	2.07	Trung bình
13	DTN17LT412015	Đàm Văn	Cường	26/03/1996	Nam	Liên thông Quản lý đất đai K49	6.87	2.53	Khá
14	DTN17LT4120003	Triệu Thị Thu	Dung	29/07/1992	Nữ	Liên thông Quản lý đất đai K49	7.19	2.78	Khá
15	DTN17LT412013	Nguyễn Hoàng	Giang	16/12/1995	Nam	Liên thông Quản lý đất đai K49	6.77	2.43	Trung bình
16	DTN17LT412016	Vàng Văn	Minh	20/03/1993	Nam	Liên thông Quản lý đất đai K49	7.22	2.84	Khá
17	DTN17LT412008	Lục Văn	Môn	25/12/1995	Nam	Liên thông Quản lý đất đai K49	7.14	2.73	Khá
18	DTN17LT412021	Lô Quang	Trung	22/12/1996	Nam	Liên thông Quản lý đất đai K49	7.05	2.64	Khá
19	DTN17VB2412002	Nguyễn Thị	Lụa	30/05/1989	Nữ	VB2 Quản lý đất đai K49	8.38	3.51	Giỏi

Danh sách ấn định: 19 sinh viên

DANH SÁCH CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN NÔNG LÂM NGHIỆP, NGÀNH QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG
KHOA QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN

(Kèm theo QĐ số: 494/QĐ-ĐHNL-ĐT ngày 2 tháng 7 năm 2020)

STT	Mã sinh viên	Họ Đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Điểm TBCTL Hệ 10	Điểm TBCTL hệ 4	Xếp loại TN
1	DTN1558510057	Nùng Văn	Đường	10/02/1996	Nam	QLTN và MT K47	6.36	2.13	Trung bình
2	DTN1558510011	Lê Thị Thu	Hà	17/10/1997	Nữ	QLTN và MT K47	7.20	2.71	Khá
3	DTN1558510019	Trương Thị	Huế	20/11/1996	Nữ	QLTN và MT K47	7.38	2.88	Khá
4	DTN1558510033	Đào Thị	Nga	27/02/1997	Nữ	QLTN và MT K47	6.94	2.55	Khá
5	DTN1558510044	Dương Thủy	Tiên	20/04/1997	Nữ	QLTN và MT K47	7.03	2.66	Khá
6	DTN1558510046	Mai Thu	Trà	17/04/1997	Nữ	QLTN và MT K47	6.91	2.52	Khá
7	DTN1558510052	Hà Thị Hồng	Xiêm	01/05/1997	Nữ	QLTN và MT K47	7.38	2.93	Khá

Danh sách ấn định: 07 sinh viên

**DANH SÁCH CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ NÔNG NGHIỆP, NGÀNH KINH TẾ NÔNG NGHIỆP
KHOA KINH TẾ - PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

(Kèm theo QĐ số: 494 /QĐ-ĐHNL-ĐT ngày 2 tháng 7 năm 2020)

STT	Mã sinh viên	Họ Đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Điểm TBCTL Hệ 10	Điểm TBCTL hệ 4	Xếp loại TN
1	DTN1554110012	Phan Thùy	Dung	21/04/1997	Nữ	Kinh tế nông nghiệp K47 N01	6.91	2.48	Trung bình
2	DTN1554110125	Vũ Văn	Hiệp	10/03/1997	Nam	Kinh tế nông nghiệp K47 N01	7.05	2.62	Khá
3	DTN1554110026	Nguyễn Mạnh	Hùng	05/01/1996	Nam	Kinh tế nông nghiệp K47 N01	6.95	2.53	Khá
4	DTN1554110114	Lê Thị Nhật	Minh	01/09/1997	Nữ	Kinh tế nông nghiệp K47 N01	7.77	3.11	Khá
5	DTN1554110046	Lương Văn	Nhuong	10/02/1997	Nam	Kinh tế nông nghiệp K47 N01	6.86	2.51	Khá
6	DTN1554110054	Nông Thị Hương	Quỳnh	28/12/1997	Nữ	Kinh tế nông nghiệp K47 N01	7.16	2.72	Khá
7	DTN1554110058	Tân A	Son	02/08/1996	Nam	Kinh tế nông nghiệp K47 N01	8.10	3.25	Giỏi
8	DTN1554110110	Hà Văn	Hiếu	07/09/1996	Nam	Kinh tế nông nghiệp K47 N02	6.62	2.24	Trung bình
9	DTN1554110129	Hoàng Thị	Thủy	15/02/1997	Nữ	Kinh tế nông nghiệp K47 N02	7.62	3.00	Khá
10	DTN1454120293	Nguyễn Anh	Quốc	25/04/1996	Nam	Kinh tế nông nghiệp K46N02	7.14	2.71	Khá
11	DTN1354110270	Cao Thanh	Tùng	10/08/1995	Nam	Kinh tế nông nghiệp K46N02	6.30	2.11	Trung bình

Danh sách ấn định: 11 sinh viên

**DANH SÁCH CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
CHUYÊN NGÀNH PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN, NGÀNH PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
KHOA KINH TẾ - PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

(Kèm theo QĐ số: 494/QĐ-ĐHNL-ĐT ngày 2 tháng 7 năm 2020)

STT	Mã sinh viên	Họ Đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Điểm TBCTL Hệ 10	Điểm TBCTL hệ 4	Xếp loại TN
1	DTN1554140101	Lý Văn	Hùng	01/05/1996	Nam	Phát triển nông thôn K47 N01	7.03	2.61	Khá
2	DTN1554140001	Lý Nải	Chấn	20/10/1997	Nữ	Phát triển nông thôn K47 N02	7.26	2.73	Khá
3	DTN1553T412001	Hoàng Thu	Hằng	11/07/1996	Nữ	Phát triển nông thôn K47 N02	7.54	2.91	Khá
4	DTN1554140027	Hoàng Thị	Lợi	02/10/1997	Nữ	Phát triển nông thôn K47 N02	7.13	2.66	Khá
5	DTN15530A0144	Quảng Thị	Nhàn	12/03/1996	Nữ	Phát triển nông thôn K47 N02	6.71	2.33	Trung bình
6	DTN15530A0108	Lòng Văn	Tài	24/10/1996	Nam	Phát triển nông thôn K47 N02	6.24	2.08	Trung bình
7	DTN15530A0140	Đoàn Khắc	Thái	18/01/1996	Nam	Phát triển nông thôn K47 N02	6.31	2.15	Trung bình
8	DTN1430A0445	Lệnh Anh	Tuấn	29/08/1995	Nam	Phát triển nông thôn K46N01	6.24	2.01	Trung bình
9	DTN1454140044	Phạm Mai	Chi	26/10/1996	Nữ	Phát triển nông thôn K46N02	6.91	2.51	Khá
10	DTN1454140014	Triệu Đình	Hung	27/10/1995	Nam	Phát triển nông thôn K46N02	6.30	2.11	Trung bình
11	DTN1254140032	Hà Thị	Đan	26/01/1994	Nữ	Phát triển nông thôn 1 K44	6.25	2.13	Trung bình

Danh sách ấn định: 11 sinh viên

DANH SÁCH CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
CHUYÊN NGÀNH KHUYẾN NÔNG, NGÀNH KHUYẾN NÔNG
KHOA KINH TẾ - PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

(Kèm theo QĐ số: 494 /QĐ-ĐHNL-ĐT ngày 1 tháng 7 năm 2020)

STT	Mã sinh viên	Họ Đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Điểm TBCTL Hệ 10	Điểm TBCTL hệ 4	Xếp loại TN
1	DTN1553080005	Vũ Thị Thanh	Nga	06/01/1997	Nữ	Khuyến nông K47	8.21	3.38	Giỏi
2	DTN1430A0358	Lương Đình	Thắm	27/02/1995	Nam	Khuyến nông K46	6.61	2.29	Trung bình

Danh sách ấn định: 02 sinh viên

DANH SÁCH CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
CHUYÊN NGÀNH LÂM NGHIỆP, NGÀNH LÂM NGHIỆP
KHOA LÂM NGHIỆP

(Kèm theo QĐ số: 494/QĐ-ĐHNL-ĐT ngày 2 tháng 7 năm 2020)

STT	Mã sinh viên	Họ Đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Điểm TBCTL Hệ 10	Điểm TBCTL hệ 4	Xếp loại TN
1	DTN1553060024	Ngô Quốc	Hung	18/03/1997	Nam	Lâm nghiệp K47	6.96	2.53	Khá
2	DTN15530A0098	Bế Quách	Sang	24/10/1996	Nữ	Lâm nghiệp K47	6.74	2.43	Trung bình

Danh sách ấn định: 02 sinh viên

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
CHUYÊN NGÀNH NÔNG LÂM KẾT HỢP, NGÀNH LÂM NGHIỆP
KHOA LÂM NGHIỆP

(Kèm theo QĐ số: 494/QĐ-ĐHNL-ĐT ngày 2 tháng 7 năm 2020)

STT	Mã sinh viên	Họ Đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Điểm TBCTL Hệ 10	Điểm TBCTL hệ 4	Xếp loại TN
1	DTN1453060059	Nguyễn Công	Son	07/08/1996	Nam	Nông lâm kết hợp K46	6.51	2.23	Trung bình

Danh sách ấn định: 01 sinh viên

**DANH SÁCH CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN RỪNG, NGÀNH QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN RỪNG
KHOA LÂM NGHIỆP**

(Kèm theo QĐ số: 494/QĐ-ĐHNL-ĐT ngày 2 tháng 7 năm 2020)

TT	Mã sinh viên	Họ Đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Điểm TBCTL Hệ 10	Điểm TBCTL hệ 4	Xếp loại TN
1	DTN1553160019	Lò Thị	Hiệp	09/06/1997	Nữ	Quản lý tài nguyên rừng K47 N01	7.06	2.55	Khá
2	DTN1553160026	Nguyễn Đăng	Huy	19/01/1995	Nam	Quản lý tài nguyên rừng K47 N01	6.53	2.23	Trung bình
3	DTN1553160028	Nông Gia	Lâm	12/04/1997	Nam	Quản lý tài nguyên rừng K47 N01	6.36	2.21	Trung bình
4	DTN1553160049	Mai Xuân	Thế	10/09/1997	Nam	Quản lý tài nguyên rừng K47 N01	6.86	2.52	Khá
5	DTN1553160092	Lường Đại	Thước	29/02/1996	Nam	Quản lý tài nguyên rừng K47 N01	6.43	2.15	Trung bình
6	DTN1353160181	Đặng Đình	Hải	05/12/1995	Nam	Quản lý tài nguyên rừng K46N02	7.58	2.93	Khá
7	DTN1430A0203	Quảng Văn	Kiểm	16/07/1995	Nam	Quản lý tài nguyên rừng K46N03	6.09	2.00	Trung bình
8	DTN1353160073	Lộc Văn	Túc	26/01/1995	Nam	Quản lý tài nguyên rừng K46N03	6.05	2.00	Trung bình

Danh sách ấn định: 08 sinh viên

**DANH SÁCH CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
CHUYÊN NGÀNH SINH THÁI VÀ BẢO TỒN ĐA DẠNG SINH HỌC, NGÀNH QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN RỪNG
KHOA LÂM NGHIỆP**

(Kèm theo QĐ số: 494/QĐ-ĐHNL-ĐT ngày 2 tháng 7 năm 2020)

TT	Mã sinh viên	Họ Đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Điểm TBCTL Hệ 10	Điểm TBCTL hệ 4	Xếp loại TN
1	DTN1553160002	Đàm Tuấn	Anh	22/10/1997	Nam	Sinh thái và BTĐDSH K47	7.04	2.56	Khá
2	DTN1553160011	Sùng A	Dia	10/12/1996	Nam	Sinh thái và BTĐDSH K47	6.72	2.32	Trung bình
3	DTN1453160092	Lục Văn	Việt	04/06/1996	Nam	Sinh thái và BTĐDSH K46	8.26	3.43	Giỏi

Danh sách ấn định: 03 sinh viên

DANH SÁCH CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
CHUYÊN NGÀNH TRỒNG TRỌT, NGÀNH KHOA HỌC CÂY TRỒNG
KHOA NÔNG HỌC

(Kèm theo QĐ số: 494/QĐ-ĐHNL-ĐT ngày 2 tháng 7 năm 2020)

STT	Mã sinh viên	Họ Đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Điểm TBCTL Hệ 10	Điểm TBCTL hệ 4	Xếp loại TN
1	DTN1553080009	Vũ Thị Thanh	Thủy	16/08/1997	Nữ	Trồng trọt (POHE) K47 N01	7.36	2.78	Khá
2	DTN1553070015	Châu Thị	Hạnh	29/07/1997	Nữ	Trồng trọt (POHE) K47 N02	6.27	2.16	Trung bình
3	DTN1553070017	Nguyễn Minh	Hiếu	22/10/1997	Nam	Trồng trọt (POHE) K47 N02	6.90	2.52	Khá
4	DTN1553070076	Ông Á	Hình	16/10/1994	Nam	Trồng trọt (POHE) K47 N02	7.43	2.78	Khá
5	DTN1553070080	Mã Thị Thu	Thủy	02/03/1997	Nữ	Trồng trọt (POHE) K47 N02	8.49	3.50	Giỏi
6	DTN1553070049	Lèo Huyền	Trang	28/09/1997	Nữ	Trồng trọt (POHE) K47 N02	7.48	2.85	Khá

Danh sách ấn định: 06 sinh viên

DANH SÁCH CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
CHUYÊN NGÀNH KHOA HỌC MÔI TRƯỜNG, NGÀNH KHOA HỌC MÔI TRƯỜNG
KHOA MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo QĐ số: 494/QĐ-ĐHNL-ĐT ngày 8 tháng 7 năm 2020)

STT	Mã sinh viên	Họ Đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Điểm TBCTL Hệ 10	Điểm TBCTL hệ 4	Xếp loại TN
1	DTN1453110159	Dương Mạnh	Tùng	26/01/1996	Nam	Khoa học môi trường K47N02	6.51	2.22	Trung bình
2	DTN1353110176	Nguyễn Nhật	Long	01/05/1995	Nam	Khoa học môi trường K46N01	6.82	2.51	Khá
3	DTN1453110083	Hà Huyền	Lương	06/01/1996	Nữ	Khoa học môi trường K46N01	7.00	2.62	Khá
4	DTN1453110135	Vũ Văn	Toàn	18/08/1996	Nam	Khoa học môi trường K46N01	6.62	2.33	Trung bình
5	DTN1453110070	Lăng Đức	Huỳnh	18/09/1996	Nam	Khoa học môi trường K46N02	6.66	2.33	Trung bình
6	DTN1453110073	Triệu Văn	Khe	07/06/1994	Nam	Khoa học môi trường K46N02	7.20	2.76	Khá
7	DTN1453110102	Nguyễn Đắc	Nguyễn	01/05/1996	Nam	Khoa học môi trường K46N02	6.13	2.03	Trung bình
8	DTN1453110179	Lô Anh	Tuấn	18/05/1996	Nam	Khoa học môi trường K46N02	7.00	2.64	Khá
9	DTN1663110009	Hương Văn	Phòng	21/12/1991	Nam	Liên thông Khoa học môi trường K48	6.81	2.48	Trung bình

Danh sách ấn định: 09 sinh viên

DANH SÁCH CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH KHOA HỌC VÀ QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG (CHƯƠNG TRÌNH TIỀN TIẾN ĐÀO TẠO BẰNG TIẾNG ANH)
VĂN PHÒNG CHƯƠNG TRÌNH TIỀN TIẾN

(Kèm theo QĐ số: 494/QĐ-ĐHNL-ĐT ngày 2 tháng 7 năm 2020)

STT	Mã sinh viên	Họ Tên	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Điểm TBCTL Hệ 10	Điểm TBCTL hệ 4	Xếp loại TN
1	DTN1353110012	Thân Thị Như	Anh	01/03/1995	Nữ	K45 KH&QLMT	7.44	2.86	Khá
2	DTN1454290017	Lê Thị	Loan	22/02/1996	Nữ	K46 KH&QLMT N02	7.79	3.08	Khá
3	DTN1554290008	Nguyễn Nam	Hải	20/08/1997	Nam	K47 KH&QLMT	7.46	2.73	Khá
4	DTN1554110066	Lê Thị Thu	Thảo	23/09/1997	Nữ	K47 KH&QLMT	8.52	3.53	Giỏi

Danh sách ấn định: 04 sinh viên

**DANH SÁCH CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH KHOA HỌC VÀ QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG
VĂN PHÒNG CHƯƠNG TRÌNH TIỀN TIẾN**

(Kèm theo QĐ số: 494 /QĐ-ĐHNL-ĐT ngày 2 tháng 7 năm 2020)

STT	Mã sinh viên	Họ Tên	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Điểm TBCTL Hệ 10	Điểm TBCTL hệ 4	Xếp loại TN
1	DTN1153050089	Lại Thành	Quang	12/11/1993	Nam	K43 KH&QLMT	6.92	2.53	Khá
2	DTN1353110171	Lê Thùy	Linh	13/03/1995	Nữ	K45 KH&QLMT	7.76	3.06	Khá
	DTN1454290013	Đàm Thị	Hòa	27/06/1996	Nữ	K46 KH&QLMT N02	7.40	2.83	Khá

Danh sách ấn định: 03 sinh viên